



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO TÓM TẮT

Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020;
Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2021

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020

Bước vào năm 2020 với rất nhiều nhiệm vụ quan trọng; các cấp, các ngành tập trung cao chuẩn bị, tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, triển khai xây dựng Quy hoạch tỉnh, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050. Trong khi đó, thời tiết diễn biến bất thường, đặc biệt dịch Covid-19 xảy ra trên phạm vi toàn cầu đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội cả nước nói chung và tỉnh Bắc Giang nói riêng.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh đã chủ động ban hành nhiều kịch bản ứng phó với các diễn biến của dịch bệnh, triển khai đồng bộ, quyết liệt, kịp thời các nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo thực hiện “*mục tiêu kép*”, vừa phòng, chống dịch hiệu quả, vừa tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội. Các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh đồng thuận, quyết tâm cao; do vậy, dịch bệnh đã được kiểm soát, các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhanh chóng hồi phục; đời sống, sinh hoạt của người dân trở lại bình thường. Các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2020 đã đạt được kết quả toàn diện, nổi bật trên nhiều lĩnh vực, cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. LĨNH VỰC KINH TẾ, ĐẦU TƯ VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

1. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Trong điều kiện khó khăn, tỉnh Bắc Giang vẫn là một trong những điểm sáng về tăng trưởng và phục hồi kinh tế, tốc độ tăng trưởng cả năm đứng đầu toàn quốc, ước đạt **13,02%**. Năng suất lao động xã hội tăng 9,9%, ước đạt gần 110 triệu đồng. GRDP bình quân đầu người đạt 2.900 USD. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch từ lĩnh vực dịch vụ sang các lĩnh vực khác; tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 2,2% lên 58,3%; nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,2% lên 17,5%; dịch vụ giảm 3,2% xuống còn 24,2%.

2. Sản xuất công nghiệp phục hồi nhanh và khá vững chắc. Các khó khăn về thị trường tiêu thụ, lao động, vốn... được tập trung giải quyết hiệu quả. Hạ tầng các Khu, CCN được quan tâm đầu tư. Đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ cho phép thành lập mới 02 KCN - Đô thị - Dịch vụ với tổng diện tích 1.395ha. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) cả năm tăng 19,4% so với năm 2019. Giá trị sản xuất công



nghiệp tăng 20,2%, ước đạt 266.040 tỷ đồng, bằng 96,7% kế hoạch.

Các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung khơi thông. Bên cạnh nguồn vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, nhiều doanh nghiệp, dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng, hạ tầng và nguồn vốn đầu tư từ khu vực tư nhân tăng đáng kể, đã góp phần làm cho giá trị sản xuất xây dựng tăng 9,9%, ước đạt 39.435 tỷ đồng, vượt 3,5% kế hoạch.

3. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt kết quả nổi bật, toàn diện, khẳng định vững chắc vai trò là trụ đỡ của nền kinh tế. Sản xuất với quy mô lớn, có sự hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị kết hợp với áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, quy trình sản xuất tiên tiến... được đẩy mạnh. Giá trị sản xuất toàn ngành tăng 6,7%, ước đạt 36.500 tỷ đồng, vượt 9,8% kế hoạch. Giá trị sản xuất trên 01 ha đất nông nghiệp cao hơn bình quân chung cả nước, đạt 120 triệu đồng, vượt 9,1% kế hoạch (bình quân cả nước 97 triệu đồng/1ha).

Công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi được thực hiện hiệu quả. Đàn vật nuôi phát triển ổn định; riêng đàn lợn đã phục hồi về 1 triệu con, tăng 61,1% so với cùng kỳ. Các chỉ tiêu về trồng, chăm sóc bảo vệ rừng vượt kế hoạch năm. Việc quản lý bảo vệ rừng và đất lâm nghiệp có chuyển biến; tình trạng phát phá, lấn chiếm đất rừng và số vụ vi phạm pháp luật bảo vệ rừng giảm. Phong trào xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả nổi bật. Ước đến ngày 31/12/2020, toàn tỉnh có 124 xã đạt chuẩn, chiếm tỷ lệ 67,4% đạt 100% kế hoạch. Đã có thêm huyện Tân Yên đã được công nhận đạt chuẩn huyện nông thôn mới.

4. Dịch vụ bị ảnh hưởng nghiêm trọng nhất do tác động của dịch Covid-19, song đã từng bước hồi phục, nhất là trong những tháng cuối năm. Công tác quản lý thị trường, các hoạt động thương mại được tập trung, không xảy ra tình trạng thiếu hàng, tăng giá đột biến gây bất ổn thị trường, nhất là trong thời điểm phòng, chống dịch Covid-19. Hoạt động xúc tiến thương mại có nhiều đổi mới theo hướng chủ động, sáng tạo, hiệu quả hơn, đặc biệt trong công tác xúc tiến tiêu thụ vải thiều. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 29.360 tỷ đồng, giảm 0,1% so với năm 2019, bằng 89,5% kế hoạch. Giá trị xuất khẩu đạt 11,2 tỷ USD, tăng 50,5%, vượt 18% kế hoạch; nhập khẩu đạt 10,6 tỷ USD, tăng 51,7% so với cùng kỳ, vượt 15% kế hoạch.

5. Trong bối cảnh khó khăn song thu ngân sách nhà nước vẫn vượt dự toán năm. Tổng thu ước đạt trên 10.584 tỷ đồng, bằng 103,8% dự toán; trong đó, thu xuất nhập khẩu 1.095 tỷ đồng, bằng 82,4% dự toán, thu ngân sách nội địa gần 9.490 tỷ đồng, vượt 7% dự toán. Có 14/16 khoản thu nội địa vượt dự toán, riêng thu từ đất đạt 4.520 tỷ đồng, vượt 13%.

Chi ngân sách nhà nước đảm bảo chặt chẽ, trọng tâm theo dự toán, đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ đột xuất, phát sinh như: Phòng, chống dịch Covid-19, dịch tả lợn châu Phi... Tổng chi ước đạt 23.366 tỷ đồng, giảm 0,8%, bằng 136,1% dự toán; trong đó chi đầu tư phát triển 9.220 tỷ đồng, tăng 31,5%, bằng 145,7% dự toán (chiếm 39,5% tổng chi, tăng 9,7%).

6. Đầu tư phát triển

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội cả năm ước đạt 59.610 tỷ đồng, tăng

12,2%, bằng 91,9% kế hoạch.

6.1. Đầu tư công: Công tác quản lý, thực hiện kế hoạch đầu tư công được tăng cường, thực hiện đúng quy định; các nguồn vốn được giao chi tiết sớm hơn so với năm 2019. Tiến độ thực hiện và giải ngân cơ bản đáp ứng yêu cầu; đã hoàn thành đưa vào sử dụng một số công trình lớn chào mừng Đại hội Đảng bộ các cấp. Tổng kế hoạch vốn năm 2020 đến nay đạt 7.570 tỷ đồng; ước đến 31/12/2020, giá trị giải ngân đạt 7.140 tỷ đồng, bằng 96,4% kế hoạch.

6.2. Đầu tư ngoài ngân sách có mức tăng khá. Kết hợp với nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách được khơi thông, đã góp phần cải thiện hạ tầng giao thông, KCN, CCN, đô thị, hạ tầng xã hội theo hướng hiện đại, đồng bộ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong đó đầu tư từ doanh nghiệp trong nước đạt 7.575 tỷ đồng, tăng 9,8%; doanh nghiệp FDI đạt 18.985 tỷ đồng, tăng 6%; khu vực dân cư 22.995 tỷ đồng, tăng 12,9%.

6.3. Thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp đạt kết quả khá tích cực. Tính đến 30/11/2020, toàn tỉnh đã thu hút được gần 1,25 tỷ USD vốn đầu tư quy đổi, tăng 6,8% so với cùng kỳ; trong đó, đã cấp mới và điều chỉnh 104 dự án trong nước, vốn đăng ký 8.789 tỷ đồng, 87 dự án đầu tư nước ngoài (FDI), vốn đăng ký 867,7 triệu USD (*riêng thu hút vốn FDI đứng thứ 8 toàn quốc*). Có 1.219 doanh nghiệp thành lập mới, giảm 4,3%; tổng số vốn đăng ký là 12.526 tỷ đồng, giảm 3,1%; có 245 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 2,1%; 478 doanh nghiệp giải thể và tạm ngừng hoạt động, tăng 24,2%.

7. Công tác quản lý tài nguyên và môi trường tiếp tục được chú trọng. Tập trung quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm, hiệu quả Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 11/6/2020 của BTV Tỉnh ủy. Triển khai nhiều giải pháp nhằm tạo chuyển biến trong công tác bồi thường, GPMB như: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; tổ chức Hội nghị chuyên đề về công tác bồi thường, GPMB... Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình được tập trung chỉ đạo, kết quả vượt kế hoạch đề ra.

Chủ trương huy động toàn dân tập trung thu gom, xử lý triệt để rác thải ra môi trường theo Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy được người dân đồng thuận, hưởng ứng tích cực. Nhiều chỉ tiêu chủ yếu về môi trường đạt kế hoạch đề ra. Tài nguyên, khoáng sản được quan tâm, quản lý chặt chẽ hơn.

II. LĨNH VỰC VĂN HÓA, XÃ HỘI

1. Các hoạt động giáo dục các cấp học được triển khai chủ động, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn. Chất lượng giáo dục toàn diện vẫn được duy trì ở mức cao so với mặt bằng chung cả nước; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp lớp 12 đạt 99,3%. Việc thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông được triển khai chủ động, tích cực, khoa học và đúng tiến độ. Chất lượng đội ngũ giáo viên và các bộ quản lý được nâng lên. Các chỉ tiêu về cơ sở vật chất trường lớp học đều đạt kế hoạch đề ra; tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia, đạt 93,2% (*mức độ 2 đạt 12,2%*); tỷ lệ kiên cố hóa đạt 92,4%.

2. Công tác phòng, chống dịch bệnh được thực hiện hiệu quả; các lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân được tăng cường. Đến nay, tỉnh đã kiểm soát tốt dịch Covid - 19. Hệ thống y tế được củng cố; đã thực hiện sáp nhập, tổ chức lại trạm y tế xã, phường, thị trấn từ 230 trạm còn 209 trạm. Đến nay, 100% xã/phường/thị trấn đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế; số giường bệnh trên 1 vạn dân đạt 27 giường; tỷ lệ bao phủ BHYT cao hơn bình quân cả nước, đạt 99%. Đội ngũ cán bộ y tế được quan tâm; chất lượng công tác khám chữa bệnh được nâng lên.

3. Các hoạt động văn hóa, thể thao được triển khai phù hợp, hiệu quả với yêu cầu phòng chống dịch, đồng thời gắn với chào mừng Đại hội Đảng các cấp và các ngày lễ lớn trong năm. Nội dung thông tin, tuyên truyền được kiểm soát chặt chẽ; cung cấp đầy đủ, kịp thời, tạo sự đồng thuận cao trong thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước. Bảo tồn phát huy di sản văn hóa dân tộc và quản lý nhà nước về văn hóa, di tích được tăng cường. Việc thực hiện theo nếp sống văn minh trong việc cưới, đám tang có chuyển biến tích cực.

4. Khoa học và công nghệ được quan tâm. Chất lượng các đề tài, dự án hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn ở địa phương. Các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật được tăng cường. Công tác hướng dẫn, quản lý, bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa được triển khai thực hiện hiệu quả.

5. Chế độ chính sách đối với người có công, công tác giảm nghèo, bảo trợ xã hội được thực hiện hiệu quả. Toàn tỉnh còn 16.333 hộ nghèo, giảm 6.953 hộ so với năm 2019, chiếm tỷ lệ 3,5%, đạt 100% kế hoạch. Công tác bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình, phòng chống tệ nạn xã hội được tăng cường. Phát triển BHXH được tập trung cao; dự kiến hết năm 2020, tổng số người tham gia BHXH là 318.221 người, tăng 13,7%; tỷ lệ doanh nghiệp bắt buộc tham gia BHXH cho người lao động đạt 87,7%, tăng 2,5%.

Công tác lao động, đào tạo nghề và giải quyết việc làm được quan tâm. Đã tạo việc làm mới cho 32.500 lao động, vượt 4,8% kế hoạch, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%. Toàn tỉnh hiện có trên 1,15 triệu lao động, tăng 2,4% so với năm 2019; trong đó, lĩnh vực công nghiệp xây dựng chiếm 37,5%, tăng 0,1%; nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 38,1%, tăng 1,3%, dịch vụ chiếm 24,4%, giảm 1,4%.

III. LĨNH VỰC NỘI CHÍNH

1. Công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền được chỉ đạo, quyết liệt và hiệu quả hơn. Các kết quả, chỉ số đánh giá về cải cách hành chính của tỉnh tiếp tục được cải thiện. Kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức và người lao động trong các cơ quan hành chính nhà nước được chú trọng và có chuyển biến. Công tác chỉ đạo điều hành có nhiều đổi mới, chủ động, linh hoạt hơn; hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực được cải thiện. Đã hoàn thành thực hiện sắp xếp giảm 21 đơn vị hành chính cấp xã theo kế hoạch (đến nay toàn tỉnh còn 209 xã, phường, thị trấn).

2. Chất lượng các văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục được nâng lên. Công tác theo dõi, thi hành pháp luật được quan tâm thực hiện theo quy định, có chuyển biến tích cực. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được tăng cường thực hiện có hiệu quả; nhận thức và ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật

của người dân đã được cải thiện.

3. Công tác thanh tra, chống tham nhũng được tập trung cao. Triển khai các cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và đảm bảo về trình tự, thủ tục; tập trung vào những vấn đề bức xúc mà dư luận quan tâm; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong bối cảnh khó khăn do dịch bệnh. Qua thanh tra phát hiện sai phạm với tổng số tiền 26,4 tỷ đồng và gần 695 nghìn m² đất các loại. Đã thu hồi về ngân sách nhà nước trên 8 tỷ đồng, xử lý hành chính 59 tập thể, 204 cá nhân, chuyển cơ quan điều tra 02 vụ việc, 08 đối tượng.

4. Công tác tổ chức tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo có chuyển biến tích cực. Các vụ việc đã được tiếp nhận, xử lý ngay từ khi mới phát sinh, nhất là các vụ việc có liên quan đến nhân sự Đại hội Đảng các cấp. Qua giải quyết KNTC đã xử lý thu hồi về cho Nhà nước trên 01 tỷ đồng và 1.211m² đất, trả lại cho công dân 808 triệu đồng, xử lý hành chính 23 cá nhân, chuyển cơ quan điều tra 02 vụ việc, 03 đối tượng.

5. Công tác quốc phòng, an ninh được triển khai đồng bộ, toàn diện. Đã hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân năm 2020; hoàn thành bố trí Công an chính quy tại 100% các xã, thị trấn, làm nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Nhìn chung, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; tội phạm và vi phạm pháp luật về trật tự xã hội giảm 5,2% so với cùng kỳ.

6. Công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ được tập trung cao, thực hiện quyết liệt. Tai nạn giao thông giảm so với cùng kỳ; đã xảy ra 312 vụ TNGT, giảm 14,3%, làm chết 164 người, giảm 11,8%, bị thương 241 người, giảm 22,5% so với cùng kỳ. Xảy ra 58 vụ cháy, tăng 20 vụ, làm bị thương 03 người, giảm 02 người chết, thiệt hại về tài sản khoảng 33,7 tỷ đồng.

B. ĐÁNH GIÁ CHUNG

I. KẾT QUẢ NỔI BẬT

Trong khó khăn, kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn đạt được kết quả toàn diện, nổi bật trên nhiều lĩnh vực; là điểm sáng trong cả nước về thực hiện “mục tiêu kép” của Chính phủ. Vị thế của tỉnh được nâng lên. Niềm tin của nhân dân vào Đảng, chính quyền được củng cố; tinh thần đoàn kết thương thân tương ái được phát huy. Tiến độ lập Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 nhanh nhất cả nước. Nền kinh tế nhanh chóng phục hồi sau khi dịch Covid-19 được kiểm soát; tốc độ tăng trưởng đứng đầu cả nước. Lĩnh vực nông nghiệp đạt nhiều thành tích nổi bật, khẳng định vững chắc vai trò là trụ đỡ của nền kinh tế; sản xuất công nghiệp phục hồi mạnh mẽ; giá trị xuất, nhập khẩu tăng cao. Hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được cải thiện. Thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp đạt kết quả khá, nằm trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước. Thu ngân sách vượt dự toán; chi ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả. Tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng giảm mạnh. Phong trào xây dựng nông thôn mới đạt kết quả nổi bật. Công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường có chuyển biến tích cực...

Công tác phòng chống dịch bệnh được thực hiện hiệu quả, đã kiểm soát tốt dịch Covid – 19. Các lĩnh vực giáo dục đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân được tập trung chỉ đạo, ngày càng tiên bộ; an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống nhân

dân cơ bản ổn định. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực được nâng lên; việc sát nhập bộ máy chính quyền các cấp, các ngành được thực hiện nghiêm túc, bài bản. Công tác cải cách hành chính đạt kết quả tích cực. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, tai nạn giao thông giảm mạnh...

II. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Dịch Covid -19 cùng với thời tiết diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của tỉnh. Có 07/17 chỉ tiêu chủ yếu không hoàn thành kế hoạch (*tăng trưởng kinh tế, GRDP bình quân đầu người, tổng vốn đầu tư toàn xã hội, tỷ lệ dân số đô thị, lượng khách du lịch, tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch và tỷ lệ chất thải rắn thu gom được xử lý hợp vệ sinh*). Cụ thể trên các lĩnh vực:

1. Lĩnh vực kinh tế, đầu tư xây dựng và tài nguyên môi trường

Hầu hết các ngành sản xuất quan trọng tăng trưởng thấp hơn cùng kỳ, đặc biệt là các ngành công nghiệp và dịch vụ. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp gặp khó khăn. Số lượng các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp còn hạn chế.

Môi trường đầu tư được cải thiện song còn chậm. Hạ tầng KCN sẵn sàng thu hút đầu tư thiếu. Hệ thống khách sạn, nhà hàng, các cơ sở lưu trú chưa đáp ứng được yêu cầu.

Công tác bồi thường, GPMB chưa có nhiều chuyển biến. Còn một số nguồn vốn đầu tư công không giải ngân hết kế hoạch vốn. Việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư BT vẫn còn nhiều vướng mắc, tiến độ chậm. Nợ đọng trong XDCCB còn phát sinh, nhất là ở cấp huyện, cấp xã.

Tỷ lệ quy hoạch xây dựng chi tiết còn ít. Chất lượng một số hồ sơ thiết kế chưa cao. Một số dự án khu đô thị, khu dân cư mới tiến độ chậm. Tình trạng vi phạm không phép, trái phép và quản lý trật tự xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ còn xảy ra.

Quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản tại một số địa phương còn thiếu chặt chẽ; tình trạng vi phạm lấn chiếm đất đai, chuyển nhượng đất, khai thác đất san lấp mặt bằng trái phép, sai phép... còn diễn ra.

Giải quyết vấn đề rác thải, nước thải còn lúng túng. Thu gom, xử lý rác thải ở một số địa phương chưa có chuyển biến rõ rệt. Việc xử lý ô nhiễm môi trường ở các địa bàn giáp ranh chưa triệt để.

2. Lĩnh vực văn hóa, xã hội

Số học sinh/lớp ở một số địa phương, đơn vị còn cao. Kỹ năng khai thác, ứng dụng CNTT, tiếp cận công nghệ mới trong quản lý và dạy học ở một số CBQL, giáo viên còn hạn chế.

Nguy cơ tái bùng phát dịch Covid -19 vẫn còn rất lớn. Tình trạng thiếu hụt nhân lực y tế có năng lực chuyên môn cao ở tuyến huyện vẫn chưa khắc phục được. Công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm ở tuyến huyện, xã còn gặp khó khăn.

Chất lượng lao động chưa cao, lao động tay nghề cao còn thiếu. Việc giải quyết việc làm cho lao động trên 45 tuổi và tuyển sinh, đào tạo nghề gặp nhiều khó khăn. Công tác quản lý lao động người nước ngoài có thời hạn dưới 3 tháng

còn nhiều bất cập. Việc bình xét hộ nghèo ở một số địa phương còn bất cập.

Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm đối với các doanh nghiệp chưa tham gia BHXH ở cấp huyện hiệu quả chưa cao. Việc chấp hành một số quy định về pháp luật lao động ở một số doanh nghiệp còn chưa thực sự nghiêm túc.

3. Lĩnh vực nội chính

Quản lý nhà nước ở trên một số lĩnh vực ở chính quyền cấp xã chưa tốt; việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở chưa được quan tâm đúng mức. Công tác bố trí, sắp xếp cán bộ dôi dư và giải quyết các vấn đề sau sát nhập xã ở một số địa phương còn nhiều khó khăn.

Kỷ luật, kỷ cương hành chính đã có chuyển biến, song ở một số địa phương chưa rõ nét. Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức 3 và 4 còn thấp và không đồng đều giữa các sở, ngành.

Tiến độ và chất lượng giải quyết KNTC thuộc thẩm quyền cấp huyện chưa đảm bảo. Công tác tổ chức thực hiện một số kết luận sau KNTC chưa tốt.

Tình trạng xe khách dừng đón trả khách trái phép, nhất là ở các gầm cầu vượt trên đường cao tốc chậm được khắc phục. Cháy, nổ vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ, số vụ cháy tăng so với cùng kỳ...

Phần thứ hai

MỤC TIÊU VÀ DỰ KIẾN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021

A. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Củng cố, đẩy nhanh quá trình phục hồi kinh tế trên cơ sở kiểm soát tốt dịch Covid-19. Tạo chuyển biến rõ nét trong cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút các nguồn vốn đầu tư chất lượng. Phát triển cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng KCN, CCN, giao thông và đô thị theo hướng hiện đại, đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Chú trọng quản lý tài nguyên, khoáng sản; giải quyết tốt các vấn đề về môi trường. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; tạo chuyển biến mạnh mẽ và thực chất hơn trong cải cách hành chính. Đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tăng cường công tác quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi, an toàn cho phát triển. Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, tạo đà vững chắc cho thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm, giai đoạn 2021-2025.

II. CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ-XÃ HỘI CHỦ YẾU

*** Về kinh tế:**

(1) Phấn đấu tốc độ tăng GRDP đạt 14,5%; cơ cấu kinh tế: công nghiệp - xây dựng 60,6%; dịch vụ 23,6%; nông, lâm nghiệp, thủy sản 15,8%;

(2) GRDP bình quân đầu người đạt 3.280 USD;

- (3) Tốc độ tăng năng suất lao động 15,1%;
- (5) Thu ngân sách nhà nước đạt 10.086 tỷ đồng;
- (5) Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên 68,2 nghìn tỷ đồng;
- (6) Giá trị sản xuất/01ha đất sản xuất nông nghiệp đạt 125 triệu đồng;
- (7) Khách du lịch 1,2 triệu lượt;
- (8) Tỷ lệ dân số đô thị đạt 23%;
- (9) Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 75%; thêm 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (*lưu ý 4 huyện*).

*** Về văn hóa - xã hội**

- (10) Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia mức độ 1 đạt 93,7%, mức độ 2 đạt 13,8%;
- (11) Số giường bệnh/10.000 dân (*không tính giường của trạm y tế xã và PKĐKKV*) đạt 28,2 giường; duy trì tỷ lệ người dân có thẻ BHYT đạt trên 99%; 35% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH;
- (12) Tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hoá 80,7%; Tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị 76%; Tỷ lệ xã có đầy đủ các thiết chế văn hóa, thể thao cấp thôn, cấp xã 86,1%;
- (13) Tỷ lệ hộ nghèo (*theo chuẩn giai đoạn 2016-2020*) còn 2,5%; trong đó các xã đặc biệt khó khăn còn 13,6%;

(14) Tỷ lệ lao động qua đào tạo 72%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt 20,1%; tỷ lệ lao động thất nghiệp thành thị 3%; cơ cấu lao động: nông, lâm nghiệp, thủy sản 35,8%; công nghiệp - xây dựng 39,7%; dịch vụ 24,5%;

*** Về môi trường:**

- (15) Tỷ lệ dân số được dùng nước sạch (*đạt QCVN02 trở lên*) đạt 81% (*trong đó tỷ lệ dân số thành thị được dùng nước sạch đạt 91,1%; tỷ lệ dân số nông thôn đạt tiêu chuẩn QCVN02 đạt 78%*);
- (16) Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom xử lý hợp vệ sinh đạt 78% (*thành thị 92%, nông thôn 65%*);
- (17) KCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường 100%; CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn 50%; Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý 100%;
- (18) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 38%.

B. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Tiếp tục tập trung thực hiện “mục tiêu kép”, vừa củng cố, phục hồi và phát triển kinh tế, vừa sẵn sàng phòng chống dịch; coi việc bảo đảm an toàn với dịch bệnh là cơ sở để phát triển kinh tế-xã hội; đồng thời, triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Tổ chức triển khai quy hoạch tỉnh; xây dựng các chính sách cụ thể hóa các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX

Thực hiện công bố rộng rãi Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; đồng thời, huy động nguồn lực để triển khai thực hiện. Rà soát, đánh giá hiệu quả các chính sách đã ban hành giai đoạn 2016-2020; nghiên cứu, đề xuất ban hành các chính sách, chương trình, đề án cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX. Tập trung giải quyết các điểm nghẽn, các vấn đề cấp thiết trước mắt và lâu dài, tạo chuyển biến rõ nét trên một số lĩnh vực như: Chất lượng nguồn nhân lực, hạ tầng giao thông, thủy lợi, KCN, đô thị, nhà ở công nhân, du lịch, môi trường ...

2. Đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành sản xuất gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh

Tăng cường hỗ trợ, đẩy nhanh quá trình phục hồi ngành công nghiệp theo hướng bền vững; tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực, tạo ra nhiều sản phẩm thương hiệu, có sức cạnh tranh và tham gia sâu hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu; tạo việc làm có thu nhập cao; thúc đẩy phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ.

Tập trung hỗ trợ, phát triển một số loại dịch vụ có tiềm năng, lợi thế; chú trọng phát triển vận tải đa phương thức, dịch vụ logistics, dịch vụ du lịch, khách sạn và các dịch vụ hỗ trợ đáp ứng yêu cầu phát triển của kinh tế thị trường, nhu cầu của xã hội. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án sân Golf đã được chấp thuận đầu tư.

Đẩy mạnh thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035. Thực hiện hiệu quả chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2019-2025. Phát triển chăn nuôi tập trung quy mô lớn, bảo đảm ATTP theo tiêu chuẩn VietGap gắn với thực hiện hiệu quả công tác phòng chống dịch bệnh. Đẩy mạnh phát triển kinh tế rừng, nâng cao năng suất, chất lượng rừng. Tập trung xây dựng nông thôn mới.

3. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chất lượng thu hút đầu tư; tạo điều kiện phát triển các thành phần kinh tế

Nâng cao nhận thức, tư duy trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; triển khai đồng bộ, toàn diện các giải pháp nâng hạng chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Trọng tâm là Kế hoạch nâng hạng Chỉ số PCI và Đề án "*Xây dựng Bộ chỉ số và triển khai đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và huyện, thành phố thuộc tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2020-2025*".

Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ đầu tư; nghiên cứu thành lập Ban xúc tiến đầu tư thuộc UBND tỉnh, trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp trực thuộc Ban Quản lý các KCN tỉnh. Triển khai chính sách Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, giai đoạn 2021-2025. Tích cực tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhất là trong bồi thường, GPMB để triển khai các dự án.

4. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đẩy mạnh triển khai các dự án kết cấu hạ tầng KTXH trọng điểm

Tăng cường kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước ở tất cả các cấp, các ngành. Nuôi dưỡng nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ; tập trung chống thất

thu, chuyển giá và nợ đọng thuế. Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả các khoản chi từ ngân sách. Kiên quyết xử lý dứt điểm tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản.

Huy động tối đa các nguồn lực cho phát triển kinh tế xã hội. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp đột phá về xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội đồng bộ, ưu tiên hạ tầng giao thông trọng điểm, hạ tầng KCN, hạ tầng thủy lợi trọng yếu, hạ tầng đô thị và du lịch, hạ tầng giáo dục, y tế thiết yếu, hạ tầng công nghệ thông tin – công nghệ số, tạo nền tảng phát triển kinh tế số và xã hội số.

Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025 và năm 2021 đảm bảo hiệu quả, đúng quy định; đẩy mạnh công tác giải ngân ngay từ đầu năm 2021. Tiếp tục chỉ đạo tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong thực hiện các dự án BT. Đầu tư các tuyến đường giao thông đối nội, đối ngoại mang tính kết nối với các tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Ninh và thủ đô Hà Nội để đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ.

Đôn đốc các chủ đầu tư hạ tầng KCN đẩy nhanh công tác bồi thường, GPMB và thi công hạ tầng kỹ thuật. Hoàn thành quy hoạch mới 03 KCN, quy hoạch mở rộng 02 KCN trên phần diện tích 1.155 ha theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng 02 dự án kho xăng dầu Đồng Sơn và Quang Châu; Dự án hạ tầng kho bãi Logistic Quốc tế thành phố Bắc Giang. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp phục vụ cho phát triển sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn.

Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung nhiệm vụ, giải pháp Đề án phát triển đô thị thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Đôn đốc lập, thẩm định các quy hoạch, nhất là quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng. Thực hiện tốt công tác quản lý hoạt động xây dựng, nâng cao chất lượng các công trình, dự án.

5. Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, chú trọng bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền gắn vai trò trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên, khoáng sản. Thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 11/6/2020 của BTV Tỉnh ủy về tăng cường kiểm tra, thanh tra để xử lý các vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai. Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong công tác bồi thường, GPMB; chủ động trong việc bố trí nguồn đất san lấp mặt bằng để triển khai thực hiện các dự án.

Đẩy mạnh giải quyết các vấn đề bức xúc về môi trường. Thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy, Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh về huy động toàn dân tập trung thu gom, xử lý triệt để rác thải ra môi trường. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà máy xử lý rác thải tập trung tại huyện Lục Ngạn; hoàn thành bồi thường, GPMB các khu đất đã quy hoạch tại một số địa phương để làm cơ sở lựa chọn nhà đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác theo công nghệ hiện đại.

6. Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ

Chuẩn hóa hệ thống trường lớp, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Đẩy mạnh xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo nhằm huy động nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp học, nhất là ở các KCN.

Có giải pháp đột phá về đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lao động của tỉnh, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới; tập trung đào tạo lao động có tay nghề, kỹ thuật, chất lượng cao, góp phần tăng năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định công nghệ các dự án thu hút đầu tư.

7. Phát huy giá trị văn hoá; nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với xã hội

Nâng cao chất lượng phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*". Tổ chức Lễ đón nhận Bằng xếp hạng di tích cấp Quốc gia đặc biệt ATKII Hiệp Hòa. Tổ chức khai Hội Xuân Tây Yên Tử và các hoạt động văn hóa - lễ hội - du lịch đầu xuân năm 2021. Tiến hành Đại hội TDTT các cấp; chủ động đăng ký tổ chức các giải thể thao quy mô lớn phù hợp với điều kiện của tỉnh.

Tăng cường cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong khám, chữa bệnh và thanh toán BHYT. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành dự án tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh; hoàn thành thủ tục khởi công một số dự án về y tế quan trọng.

Thực hiện tốt các chính sách xã hội, chính sách đối với người có công, các đối tượng bảo trợ. Quan tâm giải quyết việc làm, giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách về mức sống giữa vùng dân tộc với các vùng khác trong tỉnh. Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp phát triển đối tượng tham gia BHXH.

8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng và giải quyết khiếu nại, tố cáo

Phối hợp chuẩn bị các điều kiện tổ chức thành công bầu cử HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng chính quyền điện tử. Xây dựng chính quyền vững mạnh, nhất là cấp cơ sở. Quan tâm giải quyết chế độ chính sách cán bộ, công chức cấp xã dôi dư và các vấn đề phát sinh ở các xã sau sát nhập.

Thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách hành chính, tinh giản biên chế. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, đặc biệt là cán bộ quản lý các cấp. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật và sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ ở cơ sở gắn với trách nhiệm giải trình đối với các cơ quan dân cử, nhân dân trên các lĩnh vực, nhất là về đất đai, tài chính, KNTC....

Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản và công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Đổi mới hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC; tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra.

9. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; tạo môi trường thuận lợi cho phát triển

Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động bất ngờ. Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả các Đề án: “xây dựng huấn luyện và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ, giai đoạn 2021-2025”, “xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh giai đoạn 2021-2025”; “nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, giai đoạn 2020-2025” và Đề án “triển khai lắp đặt hệ thống camera an ninh trong phạm vi toàn tỉnh”. Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, kiểm chế tai nạn và ùn tắc giao thông. Chú trọng công tác phòng cháy, chữa cháy.

10. Đẩy mạnh thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội

Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động tuyên truyền, văn hóa, thể thao phục vụ các nhiệm vụ chính trị, chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, bầu cử Quốc hội, HĐND các cấp, các ngày lễ lớn. Kiểm soát chặt chẽ các thông tin báo chí và thông tin trên mạng xã hội. Tăng cường phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tạo đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Trên đây là Báo cáo tóm tắt tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2021; UBND tỉnh trân trọng báo cáo HĐND tỉnh./.

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU
VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI KẾ HOẠCH NĂM 2020**

| STT | Chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị tính | KH 2020 | UTH KH 2020 | Đánh giá |
|-----|--|-----------------------|---------|-------------|-----------|
| 1 | Tốc độ phát triển GRDP | % | 117.1 | 113.02 | Không đạt |
| | Nông - Lâm, thủy sản | % | 103.2 | 106.7 | |
| | Công nghiệp - Xây dựng | % | 124.1 | 118.7 | |
| | <i>Trong đó: + Công nghiệp</i> | % | 126.7 | 119.9 | |
| | <i>+ Xây dựng</i> | % | 109.0 | 111.4 | |
| | Dịch vụ | % | 106.8 | 101.3 | |
| | Thuế sản phẩm | % | 107.1 | 106.7 | |
| * | Cơ cấu kinh tế 3 ngành kinh tế | % | 100 | 100 | |
| | Nông - Lâm, thủy sản | % | 15.2 | 17.5 | |
| | Công nghiệp - Xây dựng | % | 58.9 | 58.3 | |
| | Dịch vụ (gồm thuế sản phẩm) | % | 25.9 | 24.2 | |
| 2 | GRDP bình quân đầu người | USD | 3,000 | 2,900 | Không đạt |
| 3 | Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn | Tỷ đồng | 10,195 | 10,584 | Vượt |
| 4 | Huy động vốn đầu tư toàn xã hội | Tỷ đồng | 62,785 | 59,610 | Không đạt |
| 5 | Kim ngạch xuất khẩu | 10 ⁶ USD | 9,500 | 11,210 | Vượt |
| | <i>Kim ngạch nhập khẩu</i> | 10 ⁶ USD | 9,200 | 10,580 | Vượt |
| 6 | Giá trị sản xuất trên 1ha đất sản xuất nông nghiệp | Triệu đồng | 110 | 120 | Vượt |
| 7 | Tỷ lệ dân số đô thị | % | 22.22 | 21.7 | Không đạt |
| 8 | Số lượt khách du lịch | 10 ³ Người | 2,500 | 790 | Không đạt |
| 9 | Tỷ lệ các xã đạt chuẩn nông thôn mới | % | 67.4 | 67.4 | Đạt |
| 10 | Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia | % | 93.2 | 93.2 | Đạt |
| 11 | Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2020 | % | 100 | 100 | Đạt |
| | Số giường bệnh/vạn dân | Giường | 27.0 | 27.0 | Đạt |
| | Tỷ lệ người dân có thẻ BHYT | % | 99.0 | 99.0 | Đạt |
| 12 | Tỷ lệ hộ gia đình văn hoá | % | 87 | 87 | Đạt |
| | Tỷ lệ làng, bản, tổ dân phố văn hoá | % | 72 | 77 | Vượt |
| | Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới | % | 51.1 | 51.1 | Đạt |

| STT | Chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị tính | KH 2020 | UTH KH 2020 | Đánh giá |
|-----|--|-------------|---------------|---------------|------------------|
| | Tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị | % | 72.0 | 72.0 | Đạt |
| 13 | Tỷ lệ hộ nghèo | % | 3.50 | 3.50 | Đạt |
| | Trong đó: Các xã đặc biệt khó khăn | % | 17.61 | 17.61 | Đạt |
| 14 | Số lao động được giải quyết việc làm | Người | 31,000 | 32,500 | Vượt |
| | Tỷ lệ lao động qua đào tạo | % | 70.0 | 70.0 | Đạt |
| 15 | Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch | % | 90.2 | 87.0 | Không đạt |
| | Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh | % | 98.0 | 98.0 | Đạt |
| 16 | Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom | % | 76.4 | 90.6 | Vượt |
| | Trong đó: Tỷ lệ chất thải rắn thu gom được xử lý hợp vệ sinh | % | 93.3 | 74.5 | Không đạt |
| 17 | Tỷ lệ che phủ rừng (không tính cây ăn quả) | % | 38.0 | 38.0 | Đạt |

**CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH
KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2021**

| STT | Chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị tính | Kết quả năm 2020 | Kế hoạch 2021 | Kế hoạch 5 năm 2021-2025 |
|-----|---|-------------|------------------|---------------|--------------------------|
| 1 | Tốc độ phát triển GRDP | % | 13.0 | 114.5 | 14-15%/năm |
| * | <i>Cơ cấu kinh tế 3 ngành kinh tế</i> | % | 100.0 | 100.0 | 100 |
| | Nông - Lâm, thủy sản | % | 17.5 | 15.8 | 11.0 |
| | Công nghiệp - Xây dựng | % | 58.3 | 60.6 | 68.4 |
| | Dịch vụ (gồm thuế sản phẩm) | % | 24.2 | 23.6 | 20.6 |
| 2 | GRDP bình quân đầu người | USD | 2,900 | 3,280 | 5.500-6.000 |
| 3 | Tốc độ tăng năng xuất lao động | % | 9.9 | 15.1 | 13,4/năm |
| 4 | Thu ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | 10,584 | 10,086 | 14-16%/năm |
| 5 | Huy động vốn đầu tư toàn xã hội | Tỷ đồng | 59,610 | 68,260 | 470.000 (cả giai đoạn) |
| 6 | Giá trị sản xuất trên 1ha đất sản xuất nông nghiệp | Triệu đồng | 120 | 125 | 140 |
| 7 | Khách du lịch | Triệu lượt | 0.79 | 1.2 | 3.0 |
| 8 | Tỷ lệ dân số đô thị | % | 21.7 | 23.0 | 32.4 |
| 9 | Tỷ lệ các xã đạt chuẩn nông thôn mới | % | 67.4 | 75.0 | 84.8 |
| | Huyện nông thôn mới (lũy kế) | Huyện | 3 | 4 | 6 |
| 10 | Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 | % | 93.2 | 93.7 | 96.4 |
| | Đạt mức độ 2 | % | 12.2 | 13.8 | 21.4 |
| 11 | Số giường bệnh/vạn dân | % | 27.0 | 28.2 | 31.7 |
| | Tỷ lệ người dân có thẻ BHYT | % | 99.0 | 99.0 | 99.0 |
| | Lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH | % | 32.0 | 35.0 | 47.0 |
| 12 | Tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hoá | % | 77.0 | 80.7 | 82.5 |
| | Tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị | % | 72.0 | 76.0 | 85.0 |
| | Tỷ lệ xã có đầy đủ các thiết chế văn hóa, thể thao cấp thôn, cấp xã | % | 85.6 | 86.1 | 90 |
| 13 | Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn giai đoạn 2016-2020) | % | 3.5 | 2.5 | 1.0 |
| | Trong đó: Các xã đặc biệt khó khăn | % | 17.6 | 13.6 | 12.6 |
| 14 | Tỷ lệ lao động qua đào tạo | % | 70,0 | 72,0 | 80.0 |

| STT | Chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị tính | Kết quả năm 2020 | Kế hoạch 2021 | Kế hoạch 5 năm 2021-2025 |
|-----|--|-------------|------------------|---------------|--------------------------|
| | Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ | % | 18.6 | 20.1 | 25.1 |
| | Tỷ lệ lao động thất nghiệp thành thị | % | 3.1 | 3.0 | 2.6 |
| * | Cơ cấu lao động | % | 100.0 | 100.0 | 100.0 |
| | Nông - Lâm, thủy sản | % | 38.1 | 35.8 | 25.7 |
| | Công nghiệp - Xây dựng | % | 37.5 | 39.7 | 25.7 |
| | Dịch vụ | % | 24.4 | 24.5 | 48.6 |
| 15 | Tỷ lệ dân số được dùng nước sạch (QCVN02 trở lên) | % | 80.5 | 81.0 | 82.7 |
| | Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch (QCVN02) | % | 77.3 | 78.0 | 80.0 |
| | Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch | % | 87.0 | 91.1 | 94.8 |
| 16 | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt thu gom được xử lý hợp vệ sinh | % | 74.5 | 78.0 | 85.0 |
| | Thành thị | % | 90.0 | 92.0 | 96.0 |
| | Nông thôn | % | 60.0 | 65.0 | 75.0 |
| 17 | KCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường | % | 100.0 | 100.0 | 100.0 |
| | CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn | % | 50.0 | 50.0 | 100.0 |
| | Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý | % | 91.3 | 100.0 | 100.0 |
| 18 | Tỷ lệ che phủ rừng (không tính cây ăn quả) | % | 38 | 38 | 38 |

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU
VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

| STT | Chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị tính | Chỉ tiêu Đại hội và KH 2016-2020 | TH GĐ 2016-2020 | Đánh giá mục tiêu KH 5 năm |
|-----------|--|-----------------------|----------------------------------|-----------------|----------------------------|
| 1 | Tốc độ phát triển GRDP | % | 110-111 | 113,9 | Vượt |
| | Nông - Lâm, thủy sản | % | 103-103,5 | 101.8 | |
| | Công nghiệp - Xây dựng | % | 114-115 | 121.9 | |
| | <i>Trong đó: + Công nghiệp</i> | % | 115,5-116,4 | 123.8 | |
| | <i>+ Xây dựng</i> | % | 108,2-108,7 | 112.8 | |
| | Dịch vụ | % | 108,5-109,5 | 106.3 | |
| | Thuế sản phẩm | % | - | 110.6 | |
| * | <i>Cơ cấu kinh tế 3 ngành kinh tế</i> | % | 100 | 100 | |
| | Nông - Lâm, thủy sản | % | 18-20 | 17.5 | |
| | Công nghiệp - Xây dựng | % | 42-43 | 58.3 | |
| | Dịch vụ (gồm thuế sản phẩm) | % | 38-39 | 24.2 | |
| 2 | GRDP bình quân đầu người | USD | 3.000-3.200 | 2,900 | Không đạt |
| 3 | Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn | Tỷ đồng | 5,200 | 10,584 | Vượt |
| 4 | Huy động vốn đầu tư toàn xã hội | Tỷ đồng | 230,000 | 226,000 | Không đạt |
| 5 | Kim ngạch xuất khẩu | 10 ⁶ USD | 6,500 | 11,210 | Vượt |
| | <i>Kim ngạch nhập khẩu</i> | 10 ⁶ USD | 6,420 | 10,580 | Vượt |
| 6 | Giá trị sản xuất trên 1ha đất sản xuất nông nghiệp | Triệu đồng | 110-120 | 120 | Đạt |
| 7 | Tỷ lệ dân số đô thị | % | 22-23 | 21.7 | Không đạt |
| 8 | Số lượt khách du lịch | 10 ³ Người | 1,000 | 790 | Không đạt |
| 9 | Tỷ lệ các xã đạt chuẩn nông thôn mới | % | 35-40 | 67.4 | Vượt |
| 10 | Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia | % | 90 | 93.2 | Vượt |
| 11 | Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2020 | % | 100 | 100 | Đạt |
| | Số giường bệnh/vạn dân | Giường | 25 | 27.0 | Vượt |
| | Tỷ lệ người dân có thẻ BHYT | % | 80 | 99.0 | Vượt |
| 12 | Tỷ lệ hộ gia đình văn hoá | % | 85 | 87 | Vượt |
| | Tỷ lệ làng, bản, tổ dân phố văn hoá | % | 65-70 | 77 | Vượt |
| | Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới | % | 35-40 | 51.1 | Vượt |

| STT | Chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị tính | Chỉ tiêu Đại hội và KH 2016-2020 | TH GD 2016-2020 | Đánh giá mục tiêu KH 5 năm |
|-----|--|-------------|----------------------------------|-----------------|----------------------------|
| | Tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị | % | - | 72.0 | - |
| 13 | Tỷ lệ hộ nghèo | % | BQ 2%/năm | 2,1%/năm | Vượt |
| 14 | Số lao động được giải quyết việc làm | Người | 29.000-30.000 | 32,500 | Vượt |
| | Tỷ lệ lao động qua đào tạo | % | 70.0 | 70.0 | Đạt |
| 15 | Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch | % | 90.0 | 90.2 | Vượt |
| | Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh | % | 95.0 | 98.0 | Vượt |
| 16 | Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom | % | 70.0 | 90.6 | Vượt |
| | Trong đó: Tỷ lệ chất thải rắn thu gom được xử lý hợp vệ sinh | % | 98.0 | 74.5 | Không đạt |
| 17 | Tỷ lệ che phủ rừng (không tính cây ăn quả) | % | 38.0 | 38.0 | Đạt |